

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17-12-2020
V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hải;

Ông Nguyễn Thành Tới.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Danh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhiều - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 370/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1969. *Vắng mặt*

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1967. *Vắng mặt*

Địa chỉ: Ấp X1, xã Y1, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2020 và trong quá trình làm việc, nguyên đơn ông Trần Văn N đã khai: Ông N và bà Trần Thị P qua mai mối của người quen thì tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn từ đó cho đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1995 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, không còn hợp nhau về tính tình; từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên ly thân từ năm 1995 cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn không thể

hoà giải hàn gắn được và thời gian ly thân đã lâu nên ông N yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị P.

Về con chung; tài sản chung; nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị P đã khai: Về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân bà P thống nhất như lời trình bày của ông N. Xét thấy mâu thuẫn không thể hoà giải hàn gắn và mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn N.

Về con chung; tài sản chung; nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn N và bà Trần Thị P. Về con chung; tài sản chung; nợ chung đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc ông N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, bà P không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Văn N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết hôn nhân giữa ông N và bà Trần Thị P, bà P có nơi cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết, ông N và bà P đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt họ là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Ông Trần Văn N và bà Trần Thị P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1992 và có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định nhưng trong suốt thời gian chung sống cho đến nay ông N và bà P không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Văn N và bà Trần Thị P.

[3] Về con chung; về tài sản chung và nợ chung: Ông N và bà P không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc ông N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, bà P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Văn N và bà Trần Thị P.

2. Về con chung; về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Văn N và bà Trần Thị P không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Ông Trần Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: **0014557 ngày 24/11/2020** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Bà Trần Thị P không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Ông Trần Văn N và bà Trần Thị P có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã X (lưu);
- UBND xã X1 (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trang Thái Châu